

Bản án số: 42/2017/HNGĐ - ST
Ngày 28/12/2017
V/v ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA VÌ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Ngô Thị Thu Hương**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Ngô Thị Kim Quế**;
2. Ông **Lê Văn Hoan**.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Nguyễn Tiến Dũng** – Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, Thành phố Hà nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội: Ông **Lê Văn Anh** – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà nội xét xử công khai vụ án thụ lý số 471/2017/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2017 về việc " Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51 /2017/QĐST - HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự.

1. **Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1981;

HKTT: thôn X, xã Y, huyện Ba Vì, Tp. Hà Nội

2. **Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1985;

HKTT: thôn P, xã Q, huyện Ba Vì, TP. Hà Nội.

(anh A có mặt, chị B có đơn xin xét xử vắng mặt)

NHẬN THẤY

Trong đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai anh Nguyễn Ngọc A trình bày:
Anh và chị Nguyễn Thị B kết hôn với nhau ngày 10/6/2005 tại UBND xã Y, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội qua tự do tìm hiểu theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống với nhau không được hạnh phúc thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Nguyên nhân do hai vợ chồng không hợp tính cách, bất đồng quan điểm sống. Từ năm 2014 đến nay, hai vợ chồng anh chị sống ly thân, không liên lạc với nhau nữa. Nay anh A xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị B.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 30/5/2006 và cháu Nguyễn Ngọc N sinh ngày 18/11/2008, hiện nay 2 cháu đang ở với anh A. Nguyên vọng của anh A là được tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu M và N, không yêu cầu chị B cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản riêng, công nợ chung: không có

Bị đơn chị Nguyễn Thị B trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Ngọc A ngày 10/6/2005 tại UBND xã Y, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội qua tự do tìm hiểu theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, hai người chung sống không có hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do trong đời sống hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên bất đồng quan điểm sống, do anh nhiều lần chửi mắng hắt hủi chị và mâu thuẫn mẹ chồng nàng dâu. Chị B đã nhiều lần bỏ nhà đi, từ năm 2014 đến nay hai anh chị ly thân, không liên lạc gì với nhau. Nay anh A có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Ba Vì giải quyết ly hôn với chị, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh A.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 30/5/2006 và cháu Nguyễn Ngọc N sinh ngày 18/11/2008. Sau khi được Tòa án giải quyết cho ly hôn, nguyện vọng của chị B là được nuôi dưỡng hai con, không yêu cầu anh A cấp dưỡng với lý do anh A “không được bình thường”, có tính cách bạo lực.

Tài sản chung: có 01 nhà mái bằng làm trên đất của bố mẹ chồng xây năm 2010, chị B chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản riêng, công nợ chung: không có.

Vì lý do công việc, chị B không thể có mặt theo triệu tập của Tòa án, chị đã làm đơn xin vắng mặt trong các gia đoạn tố tụng tại Tòa án, có xác nhận của chính quyền địa phương. Vì vậy Tòa án không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai tiếp cận chứng và hoà giải.

Do cả hai cháu Nguyễn Ngọc M và Nguyễn Ngọc N đều đã trên 7 tuổi nên Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của hai cháu, dưới sự chứng kiến của người giám hộ theo quy định của pháp luật. Cả hai cháu đề trình bày nguyện vọng tự nguyện được ở với bố là anh Nguyễn Ngọc A.

Tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Ngọc A vẫn giữ nguyên quan điểm, chị Nguyễn Thị B có đơn xin xét xử vắng mặt.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Việc thụ lý và giải quyết, thu thập chứng cứ trong vụ án ly hôn của Tòa án là đúng theo các quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Ngọc A. Xử : Ghi nhận sự thuận tình xin ly hôn của anh Nguyễn Ngọc A và chị Nguyễn Thị B. *Về con chung:* có 02 con chung là Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 30/5/2006 và cháu Nguyễn Ngọc N sinh ngày 18/11/2008. Giao 02 cháu Nguyễn Ngọc M và Nguyễn Ngọc N cho anh Nguyễn Ngọc A tiếp tục nuôi dưỡng đến khi trưởng thành hoặc khi có quyết định thay đổi khác. *Về cấp dưỡng nuôi con chung:* tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Nguyễn Thị B cho đến khi anh Nguyễn Ngọc A có yêu cầu hoặc thay đổi khác. *Về tài sản*

chung: có 01 nhà mái bằng làm trên đất của bố mẹ chồng xây năm 2010, anh A và chị B chưa yêu cầu Tòa án giải quyết. *Tài sản riêng, công nợ chung*: không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- *Về hôn nhân*: Anh Nguyễn Ngọc A và chị Nguyễn Thị B là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, anh A và chị B thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp tính cách, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Nguyên vọng anh A và chị B đều xin được ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy căn cứ vào điều 51 và 55 Luật hôn nhân gia đình nhận thấy: anh Nguyễn Ngọc A và chị Nguyễn Thị B chung sống không hạnh phúc, hai vợ chồng đã sống ly thân, mục đích của hôn nhân không đạt được. Xét thấy, chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của chị anh Nguyễn Ngọc A. Ghi nhận sự thuận tình ly hôn của anh Nguyễn Ngọc A và chị Nguyễn Thị B.

- *Về con chung*: có 02 con chung là Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 30/5/2006 và cháu Nguyễn Ngọc N sinh ngày 18/11/2008. Cả anh A và chị B đều trình bày nguyện vọng nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi chung. Xét thấy, nguyện vọng nuôi con của chị B và anh A đều chính đáng, nhưng HĐXX thấy hiện nay cả hai cháu đang ở ổn định với anh A, mặt khác các cháu đều có nguyện vọng được tiếp tục ở với bố, do đó yêu cầu nuôi con chung của anh A là có cơ sở.

- *Về tài sản chung*: có 01 nhà mái bằng làm trên đất của bố mẹ chồng xây năm 2010, anh A và chị B chưa yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Anh Nguyễn Ngọc A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Điều 28, Điều 35, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Ngọc A.

Xử : Ghi nhận sự thuận tình xin ly hôn của anh Nguyễn Ngọc A và chị Nguyễn Thị B.

- *Về con chung*: có 02 con chung là Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 30/5/2006 và cháu Nguyễn Ngọc N sinh ngày 18/11/2008. Giao 02 cháu Nguyễn Ngọc M

và Nguyễn Ngọc N cho anh Nguyễn Ngọc A tiếp tục nuôi dưỡng đến khi trưởng thành hoặc khi có quyết định thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Nguyễn Thị B cho đến khi anh Nguyễn Ngọc A có yêu cầu hoặc thay đổi khác.

Chị Nguyễn Thị B có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản.

- *Về tài sản chung:* có 01 nhà mái bằng làm trên đất của bố mẹ chồng xây năm 2010, anh A và chị B chưa yêu cầu Tòa án giải quyết

- *Tài sản riêng, công nợ chung:* không có

- *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Anh Nguyễn Ngọc A phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm. Anh A đã nộp 300.000 đ tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai số 0008148 ngày 22 tháng 11 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Vì.

- *Về quyền kháng cáo:* Anh Nguyễn Ngọc A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị B được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- Viện Kiểm sát Nhân dân huyện Ba Vì;
- Chi cục THADS huyện Ba Vì;
- UBND xã Y;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Ngô Thị Thu Hương

